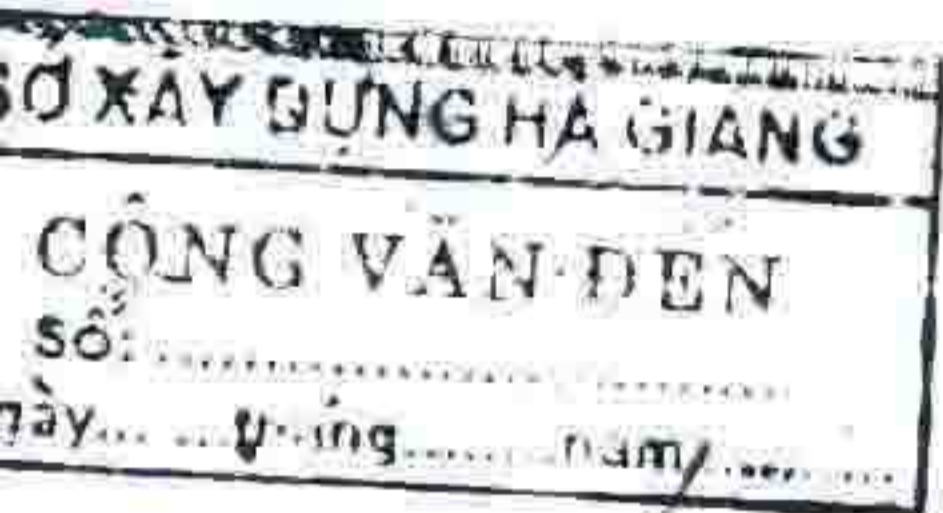


QH
UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG

LUU
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2140 /QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 16 tháng 10 năm 2012



QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Vị Xuyên huyện Vị Xuyên, giai đoạn 2010 – 2030

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ - CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1151/QĐ-TTg ngày 30/08/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng biên giới Việt - Trung đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3816/QĐ-UBND, ngày 03/12/2010 của UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Vị Xuyên huyện Vị Xuyên, giai đoạn 2010-2030.

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại báo cáo số 72/BC-SXD ngày 18/9/2012 về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Vị Xuyên huyện Vị Xuyên giai đoạn 2010 – 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng với các nội dung sau:

1. Vị trí, ranh giới lập quy hoạch:

- Thị trấn Vị Xuyên và các xã, thị trấn giáp ranh (đặc biệt là khu vực thị trấn Vị Xuyên, các xã Đạo Đức, Ngọc Linh).

2. Phạm vi nghiên cứu:

- Phạm vi nghiên cứu quy hoạch: 16.528 ha.

- Phạm vi quy hoạch: 700 ha.

3. Tính chất đô thị: Là đô thị phát triển dịch vụ, thương mại, du lịch, công nghiệp, có không gian cảnh quan sinh thái, cơ sở hạ tầng tối thiểu đạt tiêu chí đô thị loại IV.

4. Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng là 7.264 người. Dự báo đến năm 2020: 25.000 người, đến năm 2030: 40.000 người.

5. Quy mô đất xây dựng đô thị:

Quy hoạch sử dụng đất đô thị thị trấn Vị Xuyên đến năm 2020

TT	Hạng mục	Hiện trạng			Quy hoạch đến 2020		
		D,tích (ha)	Tỷ lệ (%)	m ² /ng	D,tích (ha)	Tỷ lệ (%)	m ² /ng
I	Đất xây dựng các khu chức năng	235,75	7,00	138,6 5	703,91	20,90	281,5
1.1	Đất công trình công cộng	4,07	0,12	2,39	66,06	1,96	26,42
1.2	Đất công trình giáo dục	6,66	0,20	3,92	27,97	0,83	11,19
1.3	Đất công trình y tế	2,71	0,08	1,59	3,25	0,10	1,30
1.4	Đất cơ quan hành chính	9,16	0,27		14,67	0,44	
1.5	Đất ở đô thị mật độ cao	68,47	2,03	40,27	396,08	11,76	158,4
1.6	Đất công nghiệp, ttcn	143,20	4,25		132,78	3,94	
1.7	Đất cây xanh công viên,tdtt	1,48	0,04	0,87	63,10	1,87	25,24
II	Đất làng xóm du lịch sinh thái	165,18	4,90		328,07	9,74	
2.1	Đất ở làng xóm mật độ thấp	165,18	4,90	917,6 7	171,74	5,10	686,9
2,2	Đất du lịch sinh thái		-		156,33	4,64	
III	Đất sinh thái nông lâm nghiệp	1,564,97	46,46		1,462,9	43,43	
3.1	Đất cây xanh cảnh quan, cách li	3,77	0,11		79,22	2,35	
3.2	Đất canh tác nông nghiệp hỗn hợp	540,80	16,06			-	
3.3	Đất rừng trồng	876,20	26,01		1,248,0	37,05	
3.4	Mặt nước, sông suối	144,20	4,28		135,69	4,03	
V	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật		-		4,00	0,12	
VI	Đất nghĩa trang	1,20	0,04		1,20	0,04	
VII	Đất giao thông đô thị	9,19	0,27		112,46	3,34	
VIII	Đất giao thông đối ngoại	8,26	0,25		26,16	0,78	
IX	Đất trống chưa sử dụng	31,45	0,93			-	
X	Đất đồi rừng tạp	1,383,85	41,08		729,69	21,66	
	Tổng diện tích đất tự nhiên	3,368,40	100,00		3,368,4	100,00	

Quy hoạch sử dụng đất đô thị thị trấn Vị Xuyên đến năm 2030

TT	Hạng mục	Quy hoạch đến 2020			Quy hoạch đến 2030		
		D,tích (ha)	Tỷ lệ (%)	m2/ng	D,tích (ha)	Tỷ lệ (%)	m2/ng
I	Đất xây dựng các khu chức năng	703,91	20,90	281,56	771,41	22,90	192,8
1.1	Đất công trình công cộng	66,06	1,96	26,42	79,95	2,37	21,32
1.2	Đất công trình giáo dục	27,97	0,83	11,19	35,27	1,05	9,41
1.3	Đất công trình y tế	3,25	0,10	1,30	3,25	0,10	0,81
1.4	Đất cơ quan hành chính	14,67	0,44		14,67	0,44	
1.5	Đất ở đô thị mật độ cao	396,08	11,76	158,43	431,58	12,81	125,1
1.6	Đất công nghiệp, tten	132,78	3,94		132,78	3,94	
1.7	Đất cây xanh công viên,tdtt	63,10	1,87	25,24	73,91	2,19	19,71
II	Đất làng xóm du lịch sinh thái	328,07	9,74		328,07	9,74	
2.1	Đất ở làng xóm mật độ thấp	171,74	5,10	686,96	171,74	5,10	572,4
2.2	Đất du lịch sinh thái	156,33	4,64		156,33	4,64	
III	Đất sinh thái nông lâm nghiệp	1.462,91	43,43		1.989,7	59,07	
3.1	Đất cây xanh cảnh quan, cách li	79,22	2,35		321,22	9,54	
3.2	Đất canh tác nông nghiệp hỗn hợp		-		81,88	2,43	
3.3	Đất rừng trồng	1.248,0	37,05		1.451,0	43,08	
3.4	Mặt nước, sông suối	135,69	4,03		135,69	4,03	
V	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	4,00	0,12		4,00	0,12	
VI	Đất nghĩa trang	1,20	0,04		7,50	0,22	
VII	Đất giao thông đô thị	112,46	3,34		241,47	7,17	
VIII	Đất giao thông đối ngoại	26,16	0,78		26,16	0,78	
IX	Đất trống chưa sử dụng		-				
X	Đất đồi rừng tạp	729,69	21,66				
	Tổng diện tích đất tự nhiên	3.368,4	100,00		3.368,4	100,00	

6. Định hướng phát triển đô thị và phân khu chức năng:

a. Hướng phát triển đô thị:

- Theo Quyết định số 1151/QĐ-TTg ngày 30/08/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng biên giới Việt - Trung đến năm 2020 thì huyện Vị Xuyên nằm trong vùng kinh tế I và thuộc các vùng kinh tế động lực thứ cấp (nằm dọc quốc lộ 2 qua thành phố Hà Giang và các huyện Quang Bình, Bắc Quang, Vị Xuyên, Bắc Mê; là vùng phát triển đô thị, công nghiệp chế biến, cơ khí, vật liệu xây dựng, dịch vụ, nông nghiệp) và thị trấn Vị Xuyên nằm trong hệ thống các đô thị chuyên ngành.

- Tôn trọng lịch sử phát triển đô thị với các khu vực đã xây dựng, các dự án đã được hoạch định, đảm bảo hài hòa, thống nhất giữa khu vực đã phát triển và khu vực xây dựng mới.

- Xây dựng thị trấn Vị Xuyên trở thành thị xã, có hai khu vực là nội thị và ngoại thị. Tập trung xây dựng khu vực nội thị dự kiến với các khu chức năng và cơ sở hạ tầng tối thiểu đạt tiêu chí đô thị loại IV.

b. Quy hoạch các khu chức năng:

- Khu Công nghiệp: Hoàn thiện kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Bình Vàng theo đồ án quy hoạch chi tiết đã được UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt.

- Hệ thống các trung tâm trong đô thị:

+ Trung tâm hành chính: Khu trung tâm hành chính được kiến toàn trên cơ sở khu trung tâm hành chính huyện Vị Xuyên hiện hữu. Cải tạo, nâng cấp, chuyển đổi chức năng các công trình cơ quan hành chính hiện tại.

+ Khu cơ quan, văn phòng ngoài đô thị: Bố trí gần với trục trung tâm phía Bắc.

+ Trung tâm giáo dục đào tạo phục vụ đô thị: Xây dựng 03 khu trung tâm giáo dục đào tạo tại 03 khu vực nội thị.

+ Trung tâm giáo dục đào tạo ngoài đô thị.

+ Trung tâm y tế: Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện huyện Vị Xuyên hiện tại.

+ Trung tâm công cộng, dịch vụ thương mại: Xây dựng 03 khu trung tâm công cộng, dịch vụ thương mại, gần với trục chính Đông - Tây tại 03 khu vực của đô thị. Xây dựng hai trung tâm thương mại tại cửa ngõ phía Bắc, phía Nam đô thị (khu vực phía Nam sông Lô).

- Các đơn vị ở :

+ Tại khu trung tâm: Cải tạo, nâng cấp hoàn thiện khu ở trung tâm hiện hữu. Hoàn thiện theo đồ án quy hoạch chung đã được phê duyệt; Xây dựng đơn vị ở mới phía Bắc khu trung tâm, đảm bảo kết nối hoàn chỉnh với khu vực hiện hữu;

+ Tại khu phía Bắc, xây dựng 03 đơn vị ở: Đơn vị ở Tây Bắc: gần với khu trung tâm công cộng, khu dịch vụ của ngõ phía Bắc; Đơn vị ở Đông Bắc: định hướng phục vụ nhà ở công nhân khu công nghiệp Bình Vàng; Đơn vị ở phía Nam: gần với khu trung tâm giáo dục đào tạo, khu du lịch sinh thái Bình Vàng.

+ Tại khu phía Nam, xây dựng 02 đơn vị ở: Đơn vị ở phía Bắc: Khu ở sinh thái ven sông; Đơn vị ở phía Nam: Khu ở sinh thái ven sông.

- Công viên, cây xanh: Với việc hình thành hai tuyến đường ven sông, kè sông ổn định, đập thủy điện điều tiết mực nước trên sông, tiến hành nâng cấp, tôn tạo cảnh quan hai bờ sông, tạo thành công viên cây xanh cảnh quan, tạo thành trục không gian cảnh quan mở xuyên suốt đô thị. Xây dựng 03 công viên gần với 03 khu vực phát triển trong đô thị.

7. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật:

a. Lựa chọn đất phát triển đô thị; xác định cốt xây dựng:

- Khu vực không tăng mật độ xây dựng:

+ Khu trung tâm hiện hữu: Kiểm soát, không tăng mật độ xây dựng trong khu vực (trừ các khu vực đã được hoạch định nhưng chưa tiến hành xây dựng). Các khoảng trống không gian được ưu tiên để tạo thành mạng lưới công viên cây xanh vườn hoa, TDTT, văn hóa cho từng tổ dân phố (đơn vị ở).

+ Các khu vực hiện trạng dọc theo Quốc lộ 2 hiện hữu : Kiểm soát, không xây dựng xen cây, xây chen. Tăng cường tối đa các khoảng mở không gian, tạo mỹ quan đô thị.

- Khu vực kiểm soát mật độ xây dựng: Các nhà máy, xí nghiệp trong khu công nghiệp Bình Vàng, đảm bảo mật độ theo đồ án quy hoạch chi tiết đã được UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt.

- Các khu vực xây dựng với mật độ cao (45 - 55%): Các khu ở xây dựng mới phía Tây sông Lô.

- Các khu vực xây dựng với mật độ trung bình (35 - 45%): Các khu vực xây dựng công trình công cộng, dịch vụ thương mại...;

- Các khu vực xây dựng với mật độ thấp (10 - 35%): Khu vực phát triển mới phía Đông sông Lô.

- Các khu vực xây dựng với mật độ rất thấp (05 - 10%): Các khu vực công viên cây xanh kết hợp du lịch, dịch vụ thương mại. Đặc biệt, hành lang sinh thái ven sông Lô, kiến nghị xây dựng với mật độ từ 02 - 04%.

- Xác định cốt xây dựng cho toàn đô thị: Căn cứ vào địa hình tự nhiên của từng khu vực, chọn cốt nền phù hợp với địa hình tự nhiên và các giải pháp thiết kế đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

b. Mạng lưới giao thông; chỉ giới đường đỏ hệ thống trục chính.

* *Tổ chức mạng lưới giao thông:*

- Mạng lưới đường chính đối ngoại:

+ Quốc lộ 2 cũ được chỉnh trang và nâng cấp thêm có bề rộng 20,5m là trục đối ngoại của khu vực có tổng chiều dài khoảng 8.695m.

+ Trục chính ven sông: khai thác hành lang ven sông, hỗ trợ giao thông đối ngoại, bề rộng mặt cắt là 35m.

+ Trục chính có mặt cắt rộng 37m và 26m gồm đường trục chính mới và cũ đi qua khu mới kết nối khu vực mới với đường trục chính ven sông.

+ Tuyến tránh Quốc lộ 2 có mặt cắt rộng 28m tuyến tách luồng giao thông đối ngoại qua khu vực.

- Mạng lưới đường khu vực:

+ Đường chính khu vực có mặt cắt rộng 25m là trục không gian chính, kết nối các không gian trung tâm đô thị với các khu vực.

+ Đường liên khu vực có mặt cắt rộng 20,5m kết nối các khu vực trong đô thị với nhau.

+ Đường khu vực và phân khu vực có mặt cắt rộng 17,5m kết nối các khu chức năng của đô thị với nhau.

** Các công trình giao thông:*

- Bãi đỗ xe:

+ Xây dựng 1 bãi đỗ xe tập trung đặt tại cửa ngõ của thị trấn với diện tích khoảng 4,6 ha.

+ Đối với những công trình công cộng, khu vui chơi giải trí phải bố trí riêng bãi đỗ xe trong khu vực công trình đáp ứng đủ nhu cầu.

+ Bố trí bãi đỗ xe kết hợp với cây xanh vườn hoa trong các khu ở và khu vực sân của các khu nhà cao tầng.

- Cầu: Ngoài 3 cầu hiện trạng là cầu Làng Vàng, cầu đi thôn Lũng Loét, cầu Trung Thành, dự kiến xây dựng thêm hệ thống cầu đi qua sông Lô.

- Chỉ giới hệ thống đường đỏ trục chính: Công trình được xây dựng phải tuân thủ các quy định về chỉ giới xây dựng đã được quy định cụ thể trên từng tuyến đường, trong đó:

+ Tại trục đường mặt cắt 1-1, lòng đường rộng 7,5mx2, khoảng cách từ vỉa hè đến chỉ giới đường đỏ là 8 mét.

+ Tại trục đường mặt cắt 2-2, lòng đường rộng 7,5mx2, khoảng cách từ vỉa hè đến chỉ giới đường đỏ là 6,5 mét.

+ Tại trục đường mặt cắt 3-3, lòng đường rộng 7,5mx2, khoảng cách từ vỉa hè đến chỉ giới đường đỏ là 4 mét.

+ Tại trục đường mặt cắt 4-4, lòng đường rộng 7,5mx2, khoảng cách từ vỉa hè đến chỉ giới đường đỏ là 6 mét.

+ Tại trục đường mặt cắt 5-5; 6-6 lòng đường rộng 10,5 m, khoảng cách từ vỉa hè đến chỉ giới đường đỏ là 5 mét.

+ Tại trục đường mặt cắt 7-7, lòng đường rộng 7,5 m khoảng cách từ vỉa hè đến chỉ giới đường đỏ là 5 mét.

+ Tại trục đường mặt cắt 8-8, lòng đường rộng 15m, khoảng cách từ vỉa hè đến chỉ giới đường đỏ là 5 mét.

+ Tại trục đường mặt cắt 9-9, lòng đường rộng 15 m, khoảng cách từ vỉa hè đến chỉ giới đường đỏ là 3 mét.

+ Tại trục đường mặt cắt 10-10, lòng đường rộng 7,5m, khoảng cách từ vỉa hè đến chỉ giới đường đỏ là 3 mét.

+ Tại trục đường mặt cắt 11-11, lòng đường rộng 25 m, khoảng cách từ vỉa rô toa đến chỉ giới đường đỏ là 7 mét.

* Đối với tổ hợp công trình bao gồm phần đế công trình và tháp cao phía trên thì các quy định về khoảng lùi công trình được áp dụng riêng đối với phần đế công trình và đối với phần tháp cao phía trên theo tầng cao xây dựng tương ứng của mỗi phần tính từ mặt đất (cốt vỉa hè). Khoảng lùi của các công trình so với lộ giới đường quy hoạch được quy định tùy thuộc vào tổ chức quy hoạch không gian kiến trúc, chiều cao công trình và chiều rộng của lộ giới, ngoài các quy định trên, khoảng lùi tối thiểu phải thỏa mãn theo quy định Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng.

c. Các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác.

- Quy hoạch cấp nước: Tính toán cấp nước theo tiêu chuẩn đô thị loại IV miền núi. Đảm bảo nhu cầu cấp nước: 10.200m³/ ngđ.

+ Nước sinh hoạt: Đến năm 2020: 100lít/ng.ngđ, tỷ lệ cấp nước 85%; Đến năm 2030: 120lít/ng.ngđ, tỷ lệ cấp nước 100%.

+ Nước công nghiệp: 25m³/ha.ngđ.

+ Nước công cộng: 12% Qs.hoạt.

+ Nước tưới cây rửa đường: 8% Q s.hoạt.

+ Nước dự phòng rò rỉ: 20-25%.

- Quy hoạch cấp điện: Quy hoạch hoàn chỉnh hệ thống cấp điện đáp ứng nhu cầu phụ tải theo quy hoạch theo các giai đoạn phát triển. Cấp điện sinh hoạt: Đến năm 2020: 400kwh/ng.năm (tương đương 200w/ng); Đến năm 2030: 1000kwh/ng.năm (tương đương 330w/ng).

+ Cấp điện công cộng, dịch vụ: Công trình công cộng: 75kW/ha; Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp: bình quân 200KW/ha.

- Quy hoạch thoát nước bản và vệ sinh môi trường:

- Chỉ tiêu thu gom xử lý nước thải: Đến năm 2020: bằng 80% Lưu lượng nước cấp; Đến năm 2030: bằng 90% lưu lượng nước cấp; Nước thải công nghiệp là 100% tiêu chuẩn cấp nước.

- Chỉ tiêu chất thải rắn (CTR):

+ CTR sinh hoạt: 1,1 kg/ng.ngđ

+ CTR công cộng, dịch vụ: 15% CTR sinh hoạt.

+ CTR công nghiệp: 0,3 tấn/ha.ngđ.

- Chỉ tiêu đất nghĩa trang: tối thiểu là 0,6 Ha/1 vạn dân.

- Đảm bảo yêu cầu:

+ Về xử lý nước thải: 6.625 m³/ng.đ

+ Về xử lý chất thải rắn: Rác thải sinh hoạt: 43,5 tấn/ngđ; Rác thải cho hoạt động công cộng: 6,5 tấn/ngđ; Rác thải công nghiệp: 40,6 tấn/ngđ. Tổng công suất: 90,68 tấn /ngđ.

+ Về nghĩa trang: Diện tích tối thiểu dự kiến xây dựng tối thiểu khoảng: 2,5 ha.

- Giải pháp san nền:

+ Đối với khu vực xây mới do ảnh hưởng của chế độ thủy văn cửa sông lô và mực lũ cửa các con suối, cao độ xây dựng tối thiểu là 85m

+ Đối với khu vực đã xây dựng và có mật độ xây dựng lớn, các làng xóm dự kiến đô thị hoá: Khi xây dựng, cải tạo các công trình mới phải phù hợp với cao độ tương ứng xung quanh.

+ Các khu vực đồi thoải không san ủi lớn mà chỉ tạo mặt bằng công trình và mặt bằng đường để đảm bảo độ dốc tối đa.

+ Tránh không xây dựng những nơi có hiện tượng nứt, trượt lở núi. ở các sườn đồi không bạt mái dốc để tránh gây ra trượt lở khi có mưa lớn.

- Các khu vực xây dựng có mặt bằng lớn gắn với không gian kiến trúc tạo mặt đứng nền giạt cấp cho phù hợp với đô thị miền núi.

- Giải pháp thoát nước mưa:

- Hướng thoát chính: thoát ra sông Lô, một số suối tự nhiên.

- Hướng cục bộ: tùy theo từng lưu vực, địa hình, cho nước thoát nhanh nhất để tránh ngập úng cục bộ, cụ thể chia ra các lưu vực thoát khác nhau.

- Xây dựng các hệ thống mương đón nước, hệ thống tường chắn và taluy, kè sông, suối, hồ. Nạo vét các trục tiêu chính và thường xuyên duy tu bảo dưỡng các hệ thống cống qua đường.

8. Đánh giá môi trường chiến lược:

Hiện trạng môi trường:

- Hiện trạng: Vệ sinh môi trường: Vấn đề xử lý vệ sinh môi trường hiện nay hầu như chưa được chú trọng, phần lớn chưa đảm bảo quy cách về vệ sinh môi trường. Việc thu gom xử lý chất thải rắn chưa được phân loại và xử lý triệt để, gây ảnh hưởng sâu đến vệ sinh môi trường, mất mỹ quan đô thị.

- Dự báo các tác động ảnh hưởng đến môi trường đô thị và kinh tế xã hội:

+ Tác động tích cực: Cải tạo xây dựng mới các khu cây xanh mặt nước như công viên, khu rừng núi nhằm tạo cảnh quan đồng thời là tác nhân giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Chống thiên tai, xây dựng khu đô thị nhằm xây mới, cải tạo chính trang nâng cao môi trường sống cho người dân trong đô thị.

+ Tác động tiêu cực: Xây dựng, hoạt động các khu công nghiệp làm tăng ô nhiễm môi trường biến đổi sinh thái các khu vực xung quanh. Xây dựng các khu dân cư, dịch vụ thương mại tăng thêm lượng chất thải ô nhiễm môi trường. Khi

đô thị vào hoạt động các dịch vụ phát triển dân số tăng cả tự nhiên và cơ học khó kiểm soát gây phức tạp xã hội.

- Các giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng:

+ Thực hiện tốt các quy định pháp quy về bảo vệ môi trường;

+ Lập chương trình, kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

9. Thành phần hồ sơ:

Thành phần hồ sơ đã được Sở Xây dựng thẩm định, trình duyệt theo quy định tại Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị.

10. Các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực:

- Các dự án ưu tiên:

+ Khu vực nằm trong ranh giới thị trấn Vị Xuyên hiện tại.

+ Khu vực phát triển mở rộng trên địa bàn xã Đạo Đức.

+ Cải tạo khu ở trung tâm hiện hữu, đặc biệt lưu ý thiết lập mạng lưới cây xanh vườn hoa, sinh hoạt văn hóa cộng đồng trong từng lô đất.

+ Xây dựng mới các khu ở đã được xác định xây dựng trong đợt đầu, đặc biệt ưu tiên khu ở đáp ứng yêu cầu ở của người lao động tại khu công nghiệp Bình Vàng, khu ở nội trú cho học sinh dân tộc, theo đó ưu tiên đơn vị ở khu vực Đông Bắc.

+ Đầu tư xây dựng khu ở công nhân lao động trong khu vực.

+ Đầu tư xây dựng trung tâm dịch vụ, thương mại cửa ngõ phía Bắc, cửa ngõ phía Nam.

+ Tập trung hoàn thiện, đảm bảo hai lĩnh vực cấp nước, cấp điện tùy theo từng khu vực, từng giai đoạn phát triển.

- Nguồn lực:

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật ước tính khoảng 1.165 tỷ đồng, bao gồm:

+ San nền, thoát nước mưa: 240 tỷ đồng

+ Giao thông: 374 tỷ đồng.

+ Cấp nước: 17 tỷ đồng.

+ Cấp điện: 45 tỷ đồng.

+ Thoát nước thải, xử lý chất thải rắn, nghĩa trang: 489 tỷ đồng.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Vị Xuyên phối hợp cùng Sở Xây dựng có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Vị Xuyên huyện Vị Xuyên, giai đoạn 2010 - 2030 để các tổ chức và cá nhân dân biết, tham gia kiểm tra và thực hiện quy hoạch.

- Triển khai lập quy hoạch chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, làm cơ sở để quản lý quy hoạch và thu hút các nguồn vốn đầu tư.

- Lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị theo nội dung Thông tư số 19/2010/TT-BXD ngày 22/10/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng liên quan đề xuất các giải pháp quản lý triển khai thực hiện quy hoạch; tập trung huy động vốn đầu tư để thực hiện các dự án xây dựng theo đúng quy hoạch được phê duyệt.

- Quản lý, bàn giao hồ sơ cho các cơ quan chức năng liên quan và nghiệm thu, thanh quyết toán, kinh phí điều tra, khảo sát và lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chung theo đúng trình tự xây dựng cơ bản hiện hành.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Công thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hoá thể thao và Du lịch; Kho bạc nhà nước Hà Giang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vị Xuyên và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- T.Tr Tỉnh uỷ (thay B/c);
- T.Tr HĐND tỉnh (thay B/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh (thay B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- CV: XD, CN, TN&MT, KT.
- Lưu: VT



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Nguyễn Văn Sơn